

Số: 241/QĐ-UBND

Rạch Giá, ngày 28 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 34,96ha  
(Nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang)

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG RẠCH GIÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ, Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng, quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch công trình xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 34,96ha;

Căn cứ Thông báo số 4329/VP-KT ngày 22/9/2025 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang, ý kiến về việc Điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500 (Nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 745/TTr-KTHTĐT ngày 26/11/2025,

**QUYẾT ĐỊNH:**



**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 34,96 ha (*Nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang*), với những nội dung như sau:

### **I. Lý do điều chỉnh**

- Nhằm giải quyết vấn đề chồng lấn ranh giới giữa Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá và đồ án Quy hoạch chi tiết khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500 (*Nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang*) là cần thiết.

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 34,96 ha đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 15/9/2017. Việc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng - Giao thông rà soát, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá nhằm thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng, đáp ứng tiến độ đầu tư công trình Cảng là phù hợp theo quy định.

- Việc điều chỉnh cục bộ không làm thay đổi tính chất, định hướng phát triển chung của đô thị; tính chất, chức năng, quy mô và các giải pháp quy hoạch chính của khu vực; không làm quá tải hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực.

### **II. Nội dung điều chỉnh**

**1. Điều chỉnh cục bộ Điều 1 của Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang**

#### **1.1. Phạm vi ranh giới**

- Phía Đông Bắc giáp đường Võ Trường Toản.
- Phía Đông Nam giáp khu vực cổng cửa sông Kiên và Khu công viên bờ sông khu 16ha.
- Phía Tây Bắc giáp đường Lý Thường Kiệt (*Núi dài*) và dự án Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc phường Rạch Giá.
- Phía Tây Nam giáp Vịnh Rạch Giá.

#### **1.2. Diện tích**

Tổng diện tích khu đất quy hoạch bến cảng rộng 34,96 ha, sau khi điều chỉnh còn khoảng 34,81 ha (*giảm 0,15 ha so với quy hoạch được duyệt*). Trong đó: Giảm 1.514m<sup>2</sup> (*khoảng 0,15 ha*) là diện tích đất giao thông đường Lý Thường Kiệt (*Núi dài*) bị chồng lấn ranh.

### 1.3. Cơ cấu sử dụng đất

Stt	Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh			Điều chỉnh		Biến động tăng/giảm (-)
	Chức năng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>A</b>	<b>Khu mặt đất</b>	<b>144.491</b>	<b>100</b>	<b>142.977</b>	<b>100</b>	<b>- 1.514</b>
1	Đất bến cập tàu	10.841	7,5	10.841	7,58	
2	Đất văn phòng và dịch vụ cảng	23.418	16,21	23.418	16,38	
3	Đất Shophouse	26.240	18,16	22.240	18,35	
4	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	2.165	1,5	2.165	1,51	
5	Đất giao thông, sân bãi	70.269	48,63	68.755	48,08	<b>- 1.514</b>
6	Đất cây xanh	11.558	8	11.558	8,08	
<b>B</b>	<b>Khu mặt nước</b>	<b>205.131</b>		<b>205.131</b>		
1	Vũng quay tàu					
2	Luồng tàu					
3	Khu neo đậu					
	<b>Tổng</b>	<b>349.622</b>		<b>348.108</b>		<b>- 1.514</b>

Việc điều chỉnh cụ thể đất giao thông sẽ được thể hiện trong bản vẽ điều chỉnh cục bộ.

### 1.4. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng

Stt	Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh			Điều chỉnh	Biến động tăng/giảm (-)
	Chức năng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>A</b>	<b>Khu mặt đất</b>	<b>144.491</b>		<b>142.977</b>	<b>- 1.514</b>
<b>I</b>	<b>Đất bến cập tàu</b>	<b>10.841</b>		<b>10.841</b>	<b>-</b>
1	Bến tàu cao tốc	6.580	BT1	6.580	-
2	Bến phà cao tốc	2.190	BT2	2.190	-
3	Bến neo đậu tàu	71	BT3	71	-
4	Đê chắn sóng	2.000	DS	2.000	-
<b>II</b>	<b>Đất văn phòng và thương mại dịch vụ cảng</b>	<b>23.418</b>		<b>23.418</b>	<b>-</b>



1	Văn phòng cảng vụ	1.956	VP1	1.956	-
2	Nhà ga bến tàu cao tốc	4.230	VP2	4.230	-
3	Văn phòng bến phà	2.938	VP3	2.938	-
4	Khu dịch vụ 1 (Nhà vệ sinh công cộng)	112	DV1	112	-
5	Khu dịch vụ 2	3.460	DV2	3.460	-
6	Khu dịch vụ 3	1.327	DV3	1.327	-
7	Khu dịch vụ 4	3.315	DV4	3.315	-
8	Khu dịch vụ 5 (Quầy bán vé bến phà)	128	DV5	128	-
9	Khu dịch vụ 6 (Nhà vệ sinh công cộng)	112	DV6	112	-
10	Khu dịch vụ 7	3.675	DV7	3.675	-
11	Khu dịch vụ 8	2.165	DV8	2.165	-
<b>III</b>	<b>Đất shophouse</b>	<b>26.240</b>	<b>SH</b>	<b>26.240</b>	-
<b>IV</b>	<b>Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>2.165</b>	<b>HTKT</b>	<b>2.165</b>	-
<b>V</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>70.269</b>		<b>68.755</b>	<b>- 1.514</b>
1	Đường giao thông	52.954	GT1	51.440	- 1.514
2	Bãi đậu xe	12.810	GT2	12.810	-
3	Bãi chờ xe	4.505	GT3	4.505	-
<b>VI</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>11.558</b>		<b>11.558</b>	-
	Công viên cây xanh				-
	Cây xanh cách ly				-
<b>B</b>	<b>Khu mặt nước</b>	<b>205.131</b>		<b>205.131</b>	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>349.622</b>		<b>348.108</b>	<b>- 1.514</b>

## 2. Các nội dung khác có liên quan

Các nội dung khác có liên quan thực hiện theo Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 34,96 ha.

**Điều 2.** Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng - Giao thông chịu trách nhiệm phối hợp với phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Rạch Giá và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai điều chỉnh cục bộ quy hoạch, tổ chức lập và triển khai cắm mốc giới theo quy hoạch đô thị được duyệt để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện.

- Tổ chức quản lý không gian kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, đấu nối hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Đơn vị có liên quan tính toán nghĩa vụ tài chính đối với Nhà đầu tư trong trường hợp Điều chỉnh cục bộ làm tăng hệ số sử dụng đất của toàn dự án.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường Rạch Giá, Trưởng phòng các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Văn hóa - Xã hội; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng - Giao thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *MS*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT và các PCT. UBND phường;
- LĐVP, CVNC;
- Sở Xây dựng (để b/c);
- Trang thông tin điện tử phường Rạch Giá;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Hồng Tuấn**

